

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KS  
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*Bản án số: 03/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 29/6/2022, về việc “Ly hôn”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KS, TỈNH KHÁNH HÒA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:** Ông Trương Văn Vương

**Các Hội thẩm nhân dân :**

1. Ông Lê Quý Hải

2. Bà Trần Thị Ngọc Duyên

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện KS, tỉnh Khánh Hòa.

Ngày 29 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện KS, tỉnh Khánh Hòa tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 19/2021/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2021, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2022/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Bà Mầu Thị I - sinh năm 1977.

Nơi cư trú: Thôn TM, xã BCB, huyện KS, tỉnh Khánh Hoà (có mặt).

**Bị đơn:** Ông Cao Mì S (Cao S1, Cao Mỳ S2, Cao Mì S3) - Sinh năm 1974.

Nơi cư trú: Thôn TM, xã BCB, huyện KS, tỉnh Khánh Hoà (vắng mặt).

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ngân hàng chính sách xã hội.

Địa chỉ: Số 169 phố LĐ, quận Hoàng M, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T - Tổng giám đốc.

Đại diện theo uỷ quyền ông Nguyễn Văn Ng - Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện KS. (Theo quyết định về việc ủy quyền tham gia tố tụng và thi hành án số: 7300/QĐ - NHCS ngày 19/9/2019 của Ngân hàng chính sách xã hội).

Ông Nguyễn Văn Ng ủy quyền cho ông Nguyễn Thành H - Phó Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện KS.

(Giấy uỷ quyền số: 26/NHCSKS-UQ ngày 06/02/2020)

Địa chỉ: Số 8, đường HVT, Tổ dân phố HC, thị trấn TH, huyện KS, tỉnh Khánh Hoà (có đơn xin vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện về yêu cầu ly hôn ngày 20/9/2021, biên bản ghi lời khai khai ngày 17/12/2021 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Mầu Thị I trình bày:**

*Về quan hệ hôn nhân:* Bà Mầu Thị I và ông Cao Mì S tự nguyện chung sống và kết hôn với nhau từ năm 1996 có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã BCB, huyện KS, tỉnh Khánh Hoà cấp giấy chứng nhận kết hôn số 08, ngày 27/01/1996.

*Quá trình chung sống:* Sau khi kết hôn vợ chồng bà I và ông S sống tại thôn Thôn TM, xã BCB, huyện KS, tỉnh Khánh Hoà. Thời gian đầu vợ chồng bà I và ông S sống với nhau hòa thuận hạnh phúc, nhưng đến năm 2008 thì vợ chồng bà I thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, ông S thường xuyên nhậu, chửi bới và hành hung bà I, không chăm lo đến vợ con, bà I cũng đã nhiều lần khuyên bảo ông S để vợ chồng đoàn tụ nhưng ông S không thay đổi. Từ năm 2008 đến nay vợ chồng bà I đã sống ly thân không quan tâm chăm sóc đến nhau nữa. Nay bà I cho rằng mâu thuẫn vợ chồng quá trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, vì vậy bà I yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Cao Mì S.

*Về con chung:* Vợ chồng bà Mầu Thị I và ông Cao Mì S có 03 con chung là cháu Cao Đ - sinh ngày 01/01/1996, cháu Cao Thị H - sinh ngày 01/01/1997 và cháu Mầu V - sinh ngày 11/11/2008.

Bà Mầu Thị I yêu cầu Tòa án giải quyết giao cháu Mầu V, sinh ngày 11/11/2008 cho bà I được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

Đối với cháu Cao Đ và cháu Cao Thị H1 đã đủ tuổi trưởng thành có cuộc sống tự lập, bà I không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về tài sản chung:* Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Các khoản nợ chung:* Ngày 24/02/2021, vợ chồng bà I và ông S có vay vốn của Ngân hàng chính sách xã hội từ chương trình cho vay hộ cận nghèo với số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng), thời hạn vay 60 tháng, lãi suất 7,92%/năm, lãi suất quá hạn 10,296%/năm, thời hạn trả nợ cuối cùng ngày 15/02/2026; vợ chồng ly hôn bà I yêu cầu Tòa án chia đôi số tiền nợ trên để mỗi người trả một nửa (1/2).

Biên bản làm việc tại Ủy ban nhân dân xã BCB, huyện KS, tỉnh Khánh Hoà ngày 22/10/2021, giữa: Ngân hàng chính sách xã hội với bà Mầu Thị I và ông Cao Mì S thỏa thuận:

Bà Mầu Thị I có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội tính đến ngày 22/10/2021 số tiền gốc là: 15.000.000đ và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo hợp đồng vay vốn cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

Ông Cao Mì S có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội tính đến ngày 22/10/2021 số tiền gốc là: 15.000.000đ và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo hợp đồng vay vốn cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

Đến ngày 02/11/2021, bà I đã trả hết số nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội là 15.000.000đ tiền gốc và tiền lãi phát sinh.

*Về án phí:* Bà Mầu Thị I là người đồng bào dân tộc thiểu số đang sinh sống tại Thôn TM, xã BCB, huyện KS là nơi có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; bà Mầu Thị I có đơn xin miễn tiền án phí.

**Bị đơn:** Ông Cao Mì S (Cao S1, Cao Mỳ S2, Cao Mì S3): (vắng mặt)

**Tại biên bản hòa giải ngày 08/4/2022, công văn số 216/NHCSKS ngày 24/6/2022 đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng chính sách xã hội ông Nguyễn Thành H trình bày:**

Ngày 24/02/2021, Ngân hàng chính sách xã hội có cho vợ chồng bà Mầu Thị I và ông Cao Mì S vay vốn theo chương trình cho vay hộ cận nghèo với số tiền 30.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất 7,92%/năm, lãi suất quá hạn 10,296%/năm, thời hạn trả nợ cuối cùng ngày 15/02/2026.

Biên bản làm việc tại Ủy ban nhân dân Thôn TM, xã BCB, huyện KS ngày 22/10/2021, giữa: Ngân hàng chính sách xã hội với bà Mầu Thị I và ông Cao Mì S thỏa thuận:

Bà Mầu Thị I có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội tính đến ngày 22/10/2021 số tiền gốc là: 15.000.000đ và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo hợp đồng vay vốn cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

Ông Cao Mì S có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội tính đến ngày 22/10/2021 số tiền gốc là: 15.000.000đ và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo hợp đồng vay vốn cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

Đến ngày 02/11/2021, bà I đã trả hết số nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội là 15.000.000đ tiền gốc và tiền lãi phát sinh; ông S đã trả 2.000.000đ tiền gốc và tiền lãi là 1.516.734đ.

Tính đến ngày 24/6/2022, ông S còn nợ số tiền gốc là 13.000.000đ và tiền lãi phát sinh từ ngày 25/6/2022 theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo hợp đồng vay vốn cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

Nay Ngân hàng chính sách xã hội yêu cầu ông Cao Mì S phải trả toàn bộ số nợ trên cho Ngân hàng chính sách xã hội trước khi ly hôn.

*Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện KS, tỉnh Khánh Hòa:*

Việc tuân theo pháp luật của Tòa án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của đương sự; bị đơn đã vi phạm quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn về yêu cầu ly hôn, yêu cầu nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Về nợ chung: Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng chính sách xã hội:

Ông Cao Mì S phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội tính đến ngày 24/6/2022 số tiền gốc là: 13.000.000đ và tiền lãi phát sinh từ ngày 25/6/2022 theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo hợp đồng vay vốn cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

- Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:

*Nguyên đơn cung cấp:* Bản chính giấy chứng nhận kết hôn, bản sao giấy khai sinh của cháu Cao Đ, bản sao giấy khai sinh của cháu Cao Thị H1, bản sao giấy khai sinh của cháu Mầu V, bản sao giấy khai sinh của ông Cao Mì S, bản sao giấy chứng minh nhân dân của bà Mầu Thị I, bản sao sổ hộ khẩu đứng tên chủ hộ Cao Mì S, đơn xin xác nhận đề ngày 28/9/2021.

*Tòa án thu thập chứng cứ:* Ngày 25/4/2022, Tòa án tiến hành xác minh về tình trạng Hôn nhân gia đình giữa vợ chồng bà I và ông S.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa; ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bà Mầu Thị I yêu cầu Tòa án nhân dân huyện KS, tỉnh Khánh Hòa giải quyết về ly hôn đối với ông Cao Mi S nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Cao Mi S đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, nhưng ông S vắng mặt. Xét thấy bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về nội dung:* Bà Mầu Thị I và ông Cao Mi S tự nguyện chung sống và kết hôn với nhau từ năm 1996 có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã BCB, huyện KS, tỉnh Khánh Hòa cấp giấy chứng nhận kết hôn số 08, ngày 27/01/1996 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

*Quá trình chung sống:* Vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, bà Mầu Thị I cho rằng nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, vợ chồng không có tình cảm, ông S hay nhậu nhẹt, không chăm lo tới vợ con và còn chửi mắng bà I. Mặt khác, khi mâu thuẫn xảy ra, vợ chồng không gần gũi, cùng nhau tìm ra biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng, vợ chồng không quan tâm chăm sóc đến nhau nữa, nên bà I yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Cao Mi S.

*Xét thấy:* Mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bà I kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà I được ly hôn là hoàn toàn có cơ sở và cần được chấp nhận. Vì vậy nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà I.

*Về con chung:* Vợ chồng bà Mầu Thị I và ông Cao Mi S có 03 con chung là cháu Cao Đ - sinh ngày 01/01/1996, cháu Cao Thị H1 - sinh ngày 01/01/1997 và cháu Mầu V - sinh ngày 11/11/2008,

Bà Mầu Thị I yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Mầu V, không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

*Xét thấy:* Việc giao con chưa thành niên cho người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, nhằm để con phát triển tốt về thể chất và tinh thần, bà I khai nghề nghiệp làm rẫy và làm công (250.000đ/ngày công), thu nhập đủ chi tiêu cho gia đình; hiện nay cháu V đang sống với chị gái là chị Cao Thị H1, địa chỉ: Thôn TM, xã BCB, huyện KS, tỉnh Khánh Hòa. cháu V đã trên 14 tuổi và có nguyện vọng ở với bố là ông Cao Mi S, tuy nhiên ông S vắng mặt tại phiên tòa nên không biết nguyện vọng và điều kiện của ông S. Do đó để đảm bảo cho cháu được phát triển toàn diện về tâm sinh lý và lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên được đầy đủ, cháu V cần sự quan tâm chăm sóc của người mẹ nên căn cứ Điều 81, Luật Hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Mầu Thị I về không yêu cầu ông Cao Mi S cấp dưỡng nuôi con.

Đối với cháu Cao Đ và cháu Cao Thị H đã đủ tuổi trưởng thành, có cuộc sống tự lập và không bị nhược điểm về thể chất hoặc tinh thần, bà I không yêu cầu nên không xét.

*Về tài sản chung:* Tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không xét.

*Các khoản nợ chung:* Ngày 24/02/2021, Ngân hàng chính sách xã hội có cho vợ chồng bà Mầu Thị I và ông Cao Mì S vay vốn theo chương trình cho vay hộ cận nghèo với số tiền 30.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất 7,92%/năm, lãi suất quá hạn 10,296%/năm, thời hạn trả nợ cuối cùng ngày 15/02/2026.

*Xét thấy:* Khoản vay trên đều có sự thống nhất của vợ chồng bà I và ông S, mục đích phục vụ sản xuất phát triển kinh tế làm vườn và nhu cầu đời sống hộ gia đình quy mô nhỏ và đã được thỏa thuận chia đôi số tiền nợ trên để mỗi người trả một nửa ( $\frac{1}{2}$ ).

Ngày 02/11/2021, bà I đã trả số nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội là 15.000.000đ tiền gốc và tiền lãi phát sinh; ông S đã trả 2.000.000đ tiền gốc và tiền lãi là 1.516.734đ. Tính đến ngày 24/6/2022, ông S còn nợ số tiền gốc là 13.000.000đ và tiền lãi phát sinh. Nay Ngân hàng chính sách xã hội yêu cầu ông Cao Mì S phải trả toàn bộ số nợ trên cho Ngân hàng chính sách xã hội trước khi ly hôn.

*Xét thấy:* Khoản vay trên đều có sự thống nhất của vợ chồng bà I và ông S, mục đích phục vụ sản xuất phát triển kinh tế làm vườn và nhu cầu đời sống hộ gia đình quy mô nhỏ và đã được thỏa thuận chia đôi số tiền nợ trên để mỗi người trả một nửa ( $\frac{1}{2}$ ). Ngân hàng chính sách xã hội yêu cầu ông S phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội tính đến ngày 24/6/2022 là: 13.000.000đ (Mười ba triệu đồng) tiền gốc và tiền lãi phát sinh từ ngày 25/6/2022 theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng vay vốn cho đến khi thanh toán xong nợ gốc là có căn cứ phù hợp với các Điều 27, Điều 37, Điều 60 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng nên chấp nhận.

[3] *Về án phí:* Bà Mầu Thị I và ông Cao Mì S là người đồng bào dân tộc thiểu số đang sinh sống tại Thôn TM, xã BCB, huyện KS, tỉnh Khánh Hoà là nơi có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, miễn án phí dân sự sơ thẩm về “ly hôn” và án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ trả nợ cho bà Mầu Thị I và ông Cao Mì S.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;*

*Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 27, Điều 37, Điều 60, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;*

*Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.*

*Căn cứ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.*

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

[1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Mầu Thị I được ly hôn ông Cao Mì S (Cao S1, Cao Mỳ S2, Cao Mì S3).

[2]. *Về con chung*: Bà Mầu Thị I được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Mầu V, sinh ngày 11/11/2008.

Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

*Về cấp dưỡng nuôi con*: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Mầu Thị I về không yêu cầu ông Cao Mì S (Cao S1, Cao Mỳ S2, Cao Mì S3) cấp dưỡng nuôi con.

Đối với là cháu Cao Đ - sinh ngày 01/01/1996, cháu Cao Thị H1 - sinh ngày 01/01/1997 đã đủ tuổi trưởng thành, có cuộc sống tự lập và không bị nhược điểm về thể chất hoặc tinh thần, bà I không yêu cầu nên không xét.

[3]. *Về tài sản chung*: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[4]. *Về nợ chung*: Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng chính sách xã hội:

Ông Cao Mì S (Cao S1, Cao Mỳ S2, Cao Mì S3) có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội theo hợp đồng số: 6600000719676677 ngày 24/02/2021, tính đến ngày 24/6/2022 số tiền gốc là: 13.000.000đ (Mười ba triệu đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 25/6/2022 theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo hợp đồng vay vốn cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

[4] . *Về án phí*: Bà Mầu Thị I và ông Cao Mì S (Cao S1, Cao Mỳ S2, Cao Mì S3) là người đồng bào dân tộc thiểu số đang sinh sống tại thôn TM, xã BCB, huyện KS, tỉnh Khánh Hòa là nơi có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, miễn án phí dân sự sơ thẩm về “*ly hôn*” và án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ trả nợ cho bà Mầu Thị I và ông Cao Mì S.

[5]. *Quyền kháng cáo*: Bà Mầu Thị I có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ông Cao Mì S (Cao S1, Cao Mỳ S2, Cao Mì S3) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện KS;
- THADS huyện KS;
- UBND xã BCB, huyện KS;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Trương Văn Vương**